

# THỨC ĐẨY ÁP DỤNG IFRS TRONG HỆ THỐNG DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

TS. Ngô Thị Thu Hương\* - TS. Nguyễn Quang Hưng\*\*

*Trong bối cảnh hội nhập quốc tế nói chung và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, tài chính ngày càng sâu, rộng, nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kinh tế, tài chính minh bạch, đáp ứng tính “so sánh được”, phù hợp với thông lệ quốc tế, cần thiết phải thúc đẩy áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) trong hệ thống doanh nghiệp. Bài viết trình bày khái quát về chuẩn mực báo cáo tài chính, những lợi ích, những thuận lợi và khó khăn, thách thức khi áp dụng IFRS tại Việt Nam, qua đó đề xuất một số khuyến nghị có liên quan đến áp dụng IFRS trong hệ thống doanh nghiệp Việt Nam.*

• Từ khóa: chuẩn mực kế toán; chuẩn mực báo cáo tài chính; lợi ích, thuận lợi và khó khăn khi áp dụng IFRS.

*In the context of international integration in general and international integration in the economic and financial fields is increasingly deep and wide, in order to ensure the provision of transparent economic and financial information, meet the "comparability" criteria, in accordance with international practices, it is necessary to promote the application of international financial reporting standards (IFRS) in the enterprise system. The article presents an overview of financial reporting standards, the benefits, advantages and difficulties, challenges when applying IFRS in Vietnam, thereby proposing a number of recommendations related to the application of IFRS in the Vietnamese enterprise system.*

• Key words: accounting standards; financial reporting standards; benefits, advantages and difficulties when applying IFRS.

Ngày gửi bài: 10/12/2024

Ngày gửi phản biện: 18/12/2024

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 05/02/2025

Ngày chấp nhận đăng: 10/02/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i283.15>

## Đặt vấn đề

Nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu với các nền kinh tế thế giới, đặc biệt là sự kiện trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) năm 2007 đã mang lại cho Việt Nam những cơ hội cũng như những thách thức trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Trong cam kết gia nhập WTO, Việt Nam sẽ mở cửa thị trường hàng hóa, mở cửa thị trường dịch vụ, rà soát hệ thống pháp luật và chính sách để ban hành mới, bổ sung, sửa đổi theo chuẩn mực pháp lý của WTO và

thông lệ quốc tế. Trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán Bộ Tài chính đang nỗ lực khẩn trương ban hành các chuẩn mực kế toán mới và chỉnh sửa các chuẩn mực kế toán đã ban hành để nhanh chóng giúp hệ thống kế toán, kiểm toán Việt Nam hòa nhập với các thông lệ kế toán, kiểm toán quốc tế, phục vụ cho quá trình hội nhập của đất nước. Khi hội nhập quốc tế đã trở thành một xu thế tất yếu, các giao dịch xuyên quốc gia đang ngày càng phát triển, mọi quốc gia trên thế giới đang tìm cách hòa hợp các chuẩn mực kế toán quốc gia với các chuẩn mực kế toán quốc tế. Vì vậy, trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán của Việt Nam cũng đã và đang duy trì và phát triển mở rộng quan hệ hợp tác với các nước và các Tổ chức quốc tế nhằm phát triển lĩnh vực kế toán, kiểm toán Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo sự minh bạch, hiệu quả của nền kinh tế và đáp ứng tính “so sánh được”, được quốc tế công nhận và ủng hộ. Các chương trình cải cách kế toán, kiểm toán được sự hỗ trợ của các Tổ chức quốc tế cũng như huy động các chuyên gia kế toán, kiểm toán Việt Nam trong nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các công ty kiểm toán... nên đã đạt được những thành công đáng kể.

Với thực trạng kế toán Việt Nam hiện nay tuy đã có hệ thống kế toán doanh nghiệp, trong đó có hệ thống VAS, song còn khá nhiều hạn chế và còn nhiều khác biệt với thông lệ quốc tế nên chưa được thừa nhận rộng rãi; số liệu trên Báo cáo tài chính (BCTC) chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu hữu ích và tính “so sánh được” của thông tin kế toán và mức độ phù hợp với quốc tế còn chưa đáp ứng đầy đủ. Vì vậy, thúc đẩy việc áp dụng IFRS tại Việt Nam, trong đó có hệ thống doanh nghiệp là cần thiết nhằm tạo sự minh bạch của thông tin kế toán, phù hợp với thông lệ quốc tế về kế toán.

\* Học viện Ngân hàng

\*\* Học viện Tài chính

### 1. Khái quát về chuẩn mực báo cáo tài chính và Đề án áp dụng tại Việt Nam

Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế cung cấp một khuôn khổ quốc tế về phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính (BCTC) cho các công ty đại chúng, tập trung hướng dẫn, luận giải một cách chung nhất về phương pháp lập BCTC hơn là thiết lập các quy tắc báo cáo cụ thể. So với các IAS và với các chuẩn mực riêng của mỗi quốc gia thì IFRS phản ánh hợp lý hơn về giá trị doanh nghiệp. Hiện nay, IFRS bao gồm 16 chuẩn mực khác nhau theo thứ tự IFRS 1 đến IFRS 17 (Trong đó, IFRS 17 được cập nhật và thay thế IFRS 4). Trước những ưu thế của IFRS mà nhiều quốc gia trên thế giới đã bắt buộc sử dụng IFRS.

Ở nước ta, ngày 16/3/2020, Bộ Tài chính đã ban hành “Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế” theo Quyết định số 345/QĐ-BTC với lộ trình gồm 3 giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị (2020-2021); giai đoạn từ nguyện áp dụng (2022-2025); giai đoạn bắt buộc áp dụng (sau năm 2025).

### 2. Lợi ích của việc áp dụng IFRS tại Việt Nam

**Thứ nhất**, áp dụng IFRS tạo điều kiện cho doanh nghiệp đủ điều kiện niêm yết trên thị trường quốc tế hoặc nhận được khoản vay từ các định chế tài chính như Ngân hàng thế giới, quỹ tiền tệ quốc tế.

**Thứ hai**, áp dụng IFRS tạo dựng khung pháp lý cho kế toán các công cụ tài chính theo giá trị hợp lý, gồm các công cụ tài chính cơ sở và các công cụ tài chính phái sinh. Đây là những nghiệp vụ không thể thiếu được trong bối cảnh kinh tế thị trường.

**Thứ ba**, áp dụng IFRS tạo điều kiện thực hiện “tính so sách được” và đảm bảo tính minh bạch của thông tin kinh tế, tài chính trên BCTC của doanh nghiệp. Đây là yêu cầu thiết yếu đối với các đối tượng sử dụng BCTC của doanh nghiệp, giúp cho việc bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, bởi các quy định của IFRS yêu cầu các khoản mục của BCTC phải được ghi nhận và trình bày theo bản chất hơn là hình thức của giao dịch.

**Thứ tư**, áp dụng IFRS sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong việc thu hút đầu tư cũng như đầu tư xuyên quốc gia. Mặt khác, tăng cường hiệu quả của thị trường vốn.

**Thứ năm**, áp dụng IFRS tạo sự bình đẳng trong cạnh tranh trong và ngoài nước, góp phần quan trọng để phát triển hệ thống doanh nghiệp, phát triển kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

### 3. Những thuận lợi và khó khăn khi áp dụng IFRS trong doanh nghiệp

#### 3.1. Thuận lợi

**Một là**, trong mấy năm vừa qua, với sự cố gắng của các cơ quan quản lý, cơ quan hoạch định chính sách cũng như các đối tượng liên quan, hệ thống khung pháp lý về kế toán, kiểm toán ở Việt Nam đã ngày càng hoàn thiện hơn như Luật kế toán được đổi mới phù hợp hơn với bối cảnh thực tế, các hướng dẫn về Luật, các văn bản dưới Luật, hướng dẫn IFRS được Bộ Tài chính, các trường đại học kinh tế, hội nghề nghiệp luôn quan tâm;

**Hai là**, nhận thức và sự quan tâm của lãnh đạo doanh nghiệp về IFRS và sự cần thiết áp dụng IFRS vào doanh nghiệp ngày càng nâng cao thông qua công tác tuyên truyền và thực tế yêu cầu phát triển doanh nghiệp. Điều này, tạo thuận lợi đáng kể cho việc lãnh đạo, chỉ đạo cũng như dành nguồn kinh phí cho việc áp dụng IFRS.

**Ba là**, nguồn nhân lực kế toán chất lượng cao được quan tâm chú ý, các cơ sở giáo dục, đào tạo các ngành nghề chuyên môn về kế toán kiểm toán tăng cường đổi mới nội dung chương trình đào tạo chính khóa cũng như ngoài khóa, vì thế chất lượng đội ngũ kế toán, kiểm toán được cải thiện đáng kể.

**Bốn là**, trình độ công nghệ thông tin cũng như năng lực và khả năng thích ứng và sử dụng công nghệ của đội ngũ nhân viên làm công tác kế toán, kiểm toán cũng ngày được nâng lên bởi các cơ sở đào tạo cũng như bản thân các doanh nghiệp luôn quan tâm nâng cao chất lượng thông qua đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, tăng cường các học phần ứng dụng công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội thảo quốc tế và hội thảo quốc gia về các vấn đề liên quan; tăng cường nguồn tài chính đầu tư vào công nghệ thông tin...

#### 3.2. Khó khăn

Mặc dù có nhiều lợi ích khi áp dụng IFRS tại Việt Nam, song việc áp dụng tại Việt Nam đối với hệ thống doanh nghiệp lại gặp nhiều khó khăn thách thức nhất định:

**Một là**, hành lang pháp lý chưa đồng bộ. Hiện ở Việt Nam chưa có đầy đủ cơ chế, chính sách, khung pháp lý hướng dẫn hoàn chỉnh cho việc lập BCTC theo IFRS. Do đó, các DN phải tự mình nghiên cứu để áp dụng trong lập và trình bày BCTC của DN. Chính vì thế đã dẫn đến sự không thống nhất trong cách hiểu và vận dụng khác nhau giữa các doanh nghiệp thuộc các loại hình kinh tế, làm giảm tính “so sánh được” giữa các BCTC của các doanh nghiệp.

*Hai là*, sự phát triển của các thị trường tài chính, thị trường chứng khoán chưa cao cùng với việc thiếu dữ liệu tham chiếu trên thị trường, đồng thời các số liệu trên thị trường không phản ánh đầy đủ theo giá trị hợp lý cùng với việc chưa có thị trường năng động để đánh giá theo giá trị hợp lý của từng khoản mục tài sản, công nợ theo IFRS làm cho việc xác định giá trị tài sản phái sinh hợp đồng tương lai, quyền chọn trở nên không có tính khả thi. Trong khi đó DN rất cần có các dữ liệu này. Đây là một khó khăn lớn đối với các doanh nghiệp.

*Thứ ba*, sự hiểu biết của các doanh nghiệp Việt Nam về IFRS còn nhiều hạn chế. Đại bộ phận DN chưa lập BCTC theo IFRS, trừ một số DN lớn như các Tập đoàn, Tổng công ty lớn. Mặt khác, chưa có các quy định bắt buộc đối với DN trong việc lập và trình bày BCTC theo IFRS nên nhiều DN chưa thực sự quan tâm.

*Thứ tư*, mức độ hiểu biết của các đối tượng sử dụng BCTC theo IFRS còn hạn chế và chưa đồng đều, do đại bộ phận là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trình độ đào tạo của cán bộ quản lý cũng như đội ngũ kế toán hạn chế. Điều này, ảnh hưởng rất lớn đến việc sử dụng BCTC theo IFRS cho việc phân tích đánh giá tình hình tài chính của DN.

*Thứ năm*, nhận thức của nhiều lãnh đạo và các bộ phận chức năng trong DN về việc áp dụng IFRS còn hạn chế nên chưa có chỉ đạo sát sao và sự phối hợp nhịp nhàng, tạo điều kiện cho việc áp dụng IFRS vào lập BCTC của DN. Mặt khác, IFRS chỉ quy định các nguyên tắc chung thống nhất mà không có những quy định bắt buộc và hướng dẫn chi tiết. Điều này, đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng để áp dụng phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp.

*Thứ sáu*, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin còn nhiều bất cập do nguồn tài chính cho việc này ở phần lớn doanh nghiệp còn rất hạn chế, cùng với đó, chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế cả về số lượng và chất lượng...

#### 4. Một số khuyến nghị

Trên cơ sở các quy định, yêu cầu của IFRS và xuất phát từ đặc điểm của hệ thống kế toán và hệ thống DN Việt Nam, để áp dụng thành công IFRS theo lộ trình của Đề án tại Quyết định 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020, cần chú trọng các vấn đề sau:

##### 4.1. Đối với Nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước

*Một là*, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về kế toán, kiểm toán, thuế... để đảm bảo

sự đồng bộ của cơ chế, chính sách, có hướng dẫn cụ thể, chi tiết cho việc lập BCTC theo IFRS. Theo đó, các cơ quan quản lý Nhà nước về kế toán cần xây dựng và ban hành và công bố quy chế, nguyên tắc, các tài liệu hướng dẫn chi tiết, cụ thể trong việc áp dụng IFRS tại doanh nghiệp; tổ chức các hội thảo chuyên đề liên quan để trao đổi và tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án áp dụng IFRS.

*Hai là*, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Đề án áp dụng IFRS theo từng giai đoạn để nắm được những kết quả đạt được, khó khăn nhằm kịp thời có giải pháp xử lý.

*Ba là*, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan của Nhà nước, hội nghề nghiệp, các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo chuyên ngành trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, cập nhật IFRS trong từng lĩnh vực, từng ngành kinh tế cũng như toàn quốc.

#### 4.2. Đối với các doanh nghiệp

*Thứ nhất*, các doanh nghiệp cần nâng cao nhận thức và hiểu biết về IFRS

Hiện nay, nhận thức và hiểu biết của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các lãnh đạo doanh nghiệp- người quyết định đến việc áp dụng IFRS tại doanh nghiệp mình. Theo đó, doanh nghiệp cần mở các lớp cập nhật kiến thức về IFRS nhằm trang bị kiến thức về IFRS, gồm những lợi ích, nội dung, quy trình áp dụng IFRS tại doanh nghiệp. Các đối tượng tham gia các lớp này, bao gồm: lãnh đạo doanh nghiệp, đội ngũ người làm kế toán và các bộ phận chức năng khác có liên quan.

*Thứ hai*, xây dựng chiến lược và chuẩn bị nguồn tài chính phục vụ cho thực hiện IFRS

Chiến lược áp dụng IFRS tại doanh nghiệp cần thiết phải được xây dựng rõ ràng, phù hợp với chiến lược phát triển doanh nghiệp. Theo đó, lãnh đạo doanh nghiệp cần căn cứ vào Đề án áp dụng IFRS của Bộ Tài chính đã ban hành theo Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 để xác định rõ phương án, lộ trình cụ thể áp dụng tại doanh nghiệp, công bố thông tin về lộ trình áp dụng IFRS cho toàn doanh nghiệp, các nhà đầu tư; thiết lập kênh thông tin với các cơ quan hoạch định chính sách, các hội nghề nghiệp, các nhà tư vấn để có sự phối hợp, giúp đỡ trong quá trình áp dụng; xây dựng chính sách kế toán hợp lý, nhất quán giữa đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc; khai thác và dự toán nguồn tài chính phục vụ cho quá trình thực hiện IFRS.

*Thứ ba, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng của kế toán viên trong việc lập và trình bày BCTC theo IFRS*

Những kiến thức của cán bộ, nhân viên, nhất là người làm kế toán ở Việt Nam về IFRS còn nhiều hạn chế do IFRS là vấn đề mới, có nhiều nội dung phức tạp. Bởi vậy, việc áp dụng tại doanh nghiệp cần phải có nguồn nhân lực am hiểu sâu sắc các quy định và phương pháp áp dụng trong thực tiễn cũng như sự phối hợp chặt chẽ của lãnh đạo, nhân viên trong các bộ phận chức năng toàn doanh nghiệp. Điều này, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có kế hoạch cụ thể trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu phối hợp chặt chẽ ở tất cả các bộ phận chức năng của doanh nghiệp như lãnh đạo, nhà quản trị các cấp, bộ phận kinh doanh, bộ phận bán hàng, bộ phận tài chính, bộ phận kế toán, vì đây cũng là những bộ phận có liên quan đến thông tin thông tin kế toán. Riêng đối với nhân viên kế toán, là những người trực tiếp thực hiện các công việc liên quan trực tiếp đến áp dụng IFRS nhất thiết phải có sự đổi mới tư duy, nhận thức và cách tiếp cận mới, hiện đại. Theo đó, kế toán viên phải là những nhà phân tích tài chính thay vì chỉ ghi chép thuần túy như khi thực hiện các quy định của Chế độ kế toán như trước đây, đặc biệt người làm kế toán phải hiểu rõ người sử dụng BCTC của doanh nghiệp cần gì để cung cấp thông tin tài chính hữu ích cho họ. Theo đó, người làm kế toán cần biết cách thu nhận và cung cấp dữ liệu có liên quan từ các bộ phận khác của doanh nghiệp như bộ phận bán hàng, bộ phận kinh doanh...

*Thứ tư, xây dựng quy trình chuyển đổi BCTC từ Chuẩn mực kế toán sang chuẩn mực báo cáo tài chính*

Mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm đặc thù riêng. Vì vậy, mỗi DN phải căn cứ vào đặc điểm cụ thể của mình để xây dựng được quy trình chuyển đổi BCTC từ Chuẩn mực kế toán sang chuẩn mực báo cáo tài chính phù hợp bằng cách xem xét những điểm giống và khác nhau giữa VAS với IFRS, nhận diện các khoản mục trên BCTC cần chuyển đổi; xây dựng hồ sơ, dữ liệu có tính kế thừa; có những quy định trách nhiệm cụ thể đối với từng cá nhân và tập thể trong việc chuyển đổi và có hướng dẫn cụ thể cho cán bộ, nhân viên trong doanh nghiệp, nhằm tạo sự phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện chuyển đổi. Có như vậy, việc chuyển đổi BCTC từ VAS sang IFRS mới đảm bảo sự thành công.

*Thứ năm, xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở hạ tầng dữ liệu*

Trong bối cảnh công nghệ số, hiện nay công nghệ thông tin có ý nghĩa quan trọng đối với công tác kế toán nói chung và lập và trình bày BCTC theo IFRS. Vì vậy, doanh nghiệp cần phải xây dựng được một hệ thống thông tin hiện đại, đảm bảo kết nối giữa bộ phận kế toán với các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp cũng như kết nối giữa DN chính với các DN trực thuộc và giữa doanh nghiệp với các doanh nghiệp khác khác trong nước cũng như quốc tế. Trên cơ sở đó mới có thể cung cấp thông tin kế toán, thông tin BCTC cho các đối tượng khác nhau theo mọi thời gian và địa điểm. Mặt khác, việc xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ và đồng bộ là một yêu cầu quan trọng của IFRS mà DN phải đáp ứng được, trong đó gồm cả dữ liệu tài chính và dữ liệu phi tài chính.

*Thứ sáu, xây dựng quy trình chuyển đổi BCTC từ Chuẩn mực kế toán sang chuẩn mực báo cáo tài chính*

Doanh nghiệp căn cứ vào quy mô, đặc điểm cụ thể của mình để xây dựng quy trình chuyển đổi BCTC sang IFRS một cách hợp lý thông qua việc xác định những khác biệt của VAS với IFRS. Quy trình này cần đảm bảo đầy đủ các nguyên tắc, thể hiện sự dễ hiểu, dễ làm đối với đội ngũ chuyên môn và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chức năng của doanh nghiệp.

### Kết luận

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, các doanh nghiệp Việt Nam đã và đang cần tiếp cận nguồn vốn lớn cũng như công nghệ hiện đại và cách thức quản lý tiên tiến nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế. Vì vậy, nhất thiết phải thực hiện IFRS để tạo sự minh bạch và tính “so sánh được” của thông tin trên BCTC. Điều này có nghĩa là thực hiện áp dụng IFRS theo lộ trình đã được Bộ Tài chính ban hành trong Đề án “Áp dụng chuẩn mực kế toán” theo Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Ghi chú: nghiên cứu này là kết quả của đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ “Giải pháp hoàn thiện kế toán công cụ tài chính tại Việt Nam nhằm hướng tới áp dụng chuẩn mực IFRS”, Mã số BTC/ĐT-2024 (Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Ngô Thị Thu Hồng).*

### Tài liệu tham khảo:

Bộ Tài chính (2020) “Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính” theo Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020.

Clb ketoantrung.com/giai-phap-de-ap-dung thanh-cong-IFRS-tai-viet-nam. Bài viết của Trịnh Đức Vinh;

Tạp chí ngân hàng (\*), Giải pháp và lộ trình áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế đối với hệ thống các tổ chức tín dụng;

Tapchicongthuong.vn/giai-phap-thuc-dap-dung-chuan-muc-bao-cao-tai-chinh-quoc-te-ifs-tai-viet-nam-119910.html.

Nguyễn Minh Trang (2023), “Thực trạng và giải pháp áp dụng IFRS vào các doanh nghiệp Việt Nam”, Tạp chí Công thương.